

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoán - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 15-5-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-6-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15-7-2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn Q, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Đều trú tại: Bản LL, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Anh Q hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam TP)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn Q nghiện ma túy, chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không nghe, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lò Văn Q bị bắt đi tù từ năm 2023 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q có 02 con chung là cháu Lò Văn P, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Lò UN, sinh ngày 16/5/2015. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lò Thị D.

Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn P và cháu Lò UN.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh Lò Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Văn Q trình bày (có xác nhận của Trại giam TP):

Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị D kết hôn với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn Q nghiện ma túy. Anh Lò Văn Q bị bắt đi tù từ năm 2023 đến nay. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án chờ anh Q chấp hành án xong trở về thì mới giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị D có 02 con chung là cháu Lò Văn P, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Lò UN, sinh ngày 16/5/2015.

Anh Q đang chấp hành án nên đề nghị giao cháu Lò Văn P và cháu Lò UN cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đợi anh Q chấp hành án xong sẽ giải quyết ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 16/5/2024 xác định: Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị D kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn Q nghiện ma túy. Anh Lò Văn Q đi chấp hành án phạt tù từ năm 2023. Anh Lò Văn Q và chị Lò Thị D có 02 con chung đang ở với chị Lò Thị D. Chị D có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Lò Văn P, sinh ngày 19/10/2009 (Biên bản ghi ý kiến ngày 18/6/2024): Cháu Lò Văn P có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị D.

Ý kiến của cháu Lò UN, sinh ngày 16/5/2015 (Biên bản ghi ý kiến ngày 18/6/2024): Cháu Lò UN có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị D.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị D giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và có yêu cầu miễn án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Lò Văn P, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Lò UN, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Q có địa chỉ nơi cư trú tại bản LL, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa

án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị D vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Lò Văn Q đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị D và anh Q là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D, anh Q chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lò Văn Q nghiện ma túy, chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không nghe, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q đi chấp hành án phạt tù từ năm 2023 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn Q. Anh Q vẫn còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án chờ anh Q chấp hành án xong thì mới giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị D và anh Q không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh Lò Văn Q nghiện ma túy đang phải chấp hành án, chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không nghe dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị D ly hôn với anh Lò Văn Q.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q có 02 con chung: Cháu Lò Văn P, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Lò UN, sinh ngày 16/5/2015. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Lò Thị D.

Chị Lò Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn P và cháu Lò UN. Anh Lò Văn Q nhất trí với ý kiến của chị Lò Thị D.

Ý kiến của cháu Lò Văn P và cháu Lò UN đều có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến của chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q đều nhất trí giao cháu Lò Văn P và cháu Lò UN cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, đồng nhất với nguyện vọng của các cháu. Chị Lò Thị D có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q sống ly thân, chị D đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần

chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Lò Văn P và cháu Lò UN cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lò Thị D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị D, anh Lò Văn Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị D. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Lò Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn P, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Lò UN, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Lò Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lò Thị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Q) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị D, anh Lò Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh